

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2009/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 12 năm 2009

NGHỊ QUYẾT
Về quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2010

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số: 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số: 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ về Sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số: 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Thông tư số: 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định số: 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và Nghị định số: 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ;

Xét tờ trình số: 53/TTr-UBND ngày 24/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị phê chuẩn giá các loại đất để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2010 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định giá đất nông nghiệp, khung giá đất ở, giá đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2010 *(có phụ biểu chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện giá các loại đất trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành. Chỉ đạo các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế và Ngân sách, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XI, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2009.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh uỷ;
- UBMTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh khoá XI;
- Toà án nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng UBND tỉnh;
- TTHĐND và UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Các Chuyên viên Phòng Công tác HĐND;
- Báo Thái Nguyên, Công báo tỉnh (để đăng);
- Lưu: VT, TH HĐND.

Th

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vượng

PHỤ BIỂU
VỀ GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2010
(Kể từ Nghị quyết số: 23/2009/NQ-HĐND ngày 12/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP

1. Giá đất trồng cây hàng năm:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	VỊ TRÍ	VÙNG			
		Trung du	Miền núi		
			Khu vực I	Khu vực II	Khu Vực III
1	Vị trí I	46	41	37	33
2	Vị trí II	41	37	33	30
3	Vị Trí III	37	33	30	27

2. Giá đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Vị trí	VÙNG			
		Trung du	Miền núi		
			Khu vực I	Khu vực II	Khu Vực III
1	Vị trí I	42	38	34	31
2	Vị trí II	38	34	31	28
3	Vị Trí III	34	31	28	25

3. Giá đất rừng sản xuất:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	VỊ TRÍ	VÙNG			
		Trung du	Miền núi		
			Khu vực I	Khu vực II	Khu Vực III
1	Vị trí I	12	10	8	6
2	Vị trí II	10	8	6	5
2	Vị trí III	8	6	5	4

4. Giá đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Vị trí	VÙNG			
		Trung du	Miền núi		
			Khu vực I	Khu vực II	Khu Vực III
1	Vị trí I	33	30	27	24
2	Vị trí II	30	27	24	22
3	Vị Trí III	27	24	22	20

II. GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

1. Khung giá đất ở tại nông thôn:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	VÙNG	GIÁ TỐI THIỂU	GIÁ TỐI ĐA
1	Trung du	130	5 500
2	Miền núi	70	4 500

2. Khung giá đất ở tại đô thị:

Đơn vị tính: 1000 đ/m²

TT	LOẠI ĐÔ THỊ	GIÁ TỐI THIỂU	GIÁ TỐI ĐA
1	Thành phố Thái Nguyên	300	30.000
2	Thị xã Sông Công, và thị trấn trung tâm các huyện	200	8.000
3	Các thị trấn ngoài thị trấn trung tâm các huyện	130	4.500

(**Ghi chú:** Các thị trấn không thuộc trung tâm huyện, bao gồm: thị trấn Quân Chu, thị trấn Bắc Sơn, thị trấn Bãi Bông, thị trấn Sông Cầu, thị trấn Trại Cau, thị trấn Giang Tiên)

3. Giá đất phi nông nghiệp không phải là đất ở: giá đất quy định bằng 70% giá đất ở tại vị trí đó.

III. GIÁ ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG:

Đối với các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng (bao gồm đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây), khi cần định mức giá căn cứ vào giá của các loại đất liền kề đã quyết định để quy định mức giá phù hợp. Khi đất chưa sử dụng được cấp có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá đất cùng loại, cùng mục đích sử dụng để định mức giá đất cụ thể.

IV. QUY ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ

Căn cứ giá đất nông nghiệp, khung giá đất ở, giá đất phi nông nghiệp không phải là đất ở quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể giá các loại đất, công bố công khai và áp dụng từ ngày 01/01/2010 tại địa phương.

Trường hợp khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hoá lựa chọn hình thức giao đất mà tại thời điểm giao đất, thời điểm có quyết định thu hồi đất, tính bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá mà giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố áp dụng từ ngày 01/01/2010 chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường, thì Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại địa phương để quyết định mức giá cụ thể cho phù hợp, không bị giới hạn bởi khung giá quy định trên./.